

Số: 343 /QĐ-UBND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa lĩnh vực văn hóa cơ sở, lĩnh vực thư viện, lĩnh vực gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tại Tờ trình số 07/TTr-SVHTT ngày 20 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 20 thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực: văn hóa cơ sở, thư viện, gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm về hình thức, nội dung công khai thủ tục hành chính theo đúng quy định đối với những thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của đơn vị mình.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định và Danh mục kèm theo được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, địa chỉ: www.baria-vungtau.gov.vn và <http://dichvucong.baria-vungtau.gov.vn>

Các Quyết định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

1. Quyết định số 359/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa lĩnh vực văn hóa cơ sở, lĩnh vực thư viện, lĩnh vực gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

2. Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 3. Giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có liên quan căn cứ các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này rà soát, xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Căn cứ Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm của Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- TTr Tỉnh ủy; TTr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo BRVT, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, NC7.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

| STT | Mã số hồ sơ thủ tục hành chính | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Cách thức thực hiện | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý | Ghi chú |
|-------------------------------|--------------------------------|--|--|---|---|--|--|---|
| Lĩnh vực văn hóa cơ sở | | | | | | | | |
| 1 | 1.000903 | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <p>- Nộp trực tiếp;</p> <p>- Qua đường bưu điện;</p> <p>- Nộp trực tuyến.</p> | <p>- Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:</p> <p>+ Từ 01 đến 03 phòng: 4.000.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Từ 04 đến 05 phòng: 6.000.000 đồng/giấy;</p> <p>+ Từ 06 phòng trở lên: 12.000.000 đồng/giấy.</p> <p>- Tại khu vực khác:</p> <p>+ Từ 01 đến 03 phòng: 2.000.000</p> | <p>- Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể |

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|--|---|---|--|
| | | | 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định). | | | đồng/giấy; + Từ 04 đến 05 phòng: 3.000.000 đồng/giấy; + Từ 06 phòng trở lên: 6.000.000 đồng/giấy. | trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021. | thao và Du lịch |
| 2 | 1.000831 | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | - Tại các thành phố trực thuộc trung ương và tại các thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 2.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 12.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định. | - Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ karaoke, dịch vụ vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2019. - Thông tư số 01/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức |

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|---|---|--|--|---|
| | | | <p>- Thời gian giải quyết: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định).</p> | | | <p>- Tại khu vực khác: Đối với trường hợp đã được cấp phép kinh doanh karaoke đề nghị tăng thêm phòng là 1.000.000 đồng/phòng, nhưng tổng mức thu không quá 6.000.000 đồng/giấy phép/lần thẩm định.</p> <p>- Mức thu phí thẩm định điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đối với trường hợp thay đổi chủ sở hữu là 500.000 đồng/giấy.</p> | <p>dụng phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh karaoke, vũ trường. Có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2021.</p> | <p>năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
| 3 | 1.004648 | <p>Thủ tục công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; | <p>Không quy định</p> | <p>Thông tư số 08/2014/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 9 năm 2014 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn</p> |

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|---|----------------|---|--|
| | | | <p>giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | - Nộp trực tuyến. | | chuẩn văn hóa”. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2014. | hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 4 | 2.000440 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa hàng năm | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường | Không quy định | Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|---|--|---|---|
| | | <p>Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu và Giấy công nhận Khu dân cư văn hóa. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5</p> | | <p>bưu điện;</p> <p>- Nộp trực tuyến.</p> | | <p>“Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.</p> | <p>2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|---|--|---|---|

| | | | | | | | | |
|---|----------|---|---|--|--|----------------|---|--|
| | | | ngày). | | | | | |
| 5 | 1.000933 | Thủ tục xét tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | <p>Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa”. Có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 11 năm 2018.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |

thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành về thi đua, khen thưởng. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả Hội đồng thi đua - khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng Giấy khen Khu dân cư văn hóa. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 1,5 ngày).

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|--|----------------|--|---|
| 6 | 1.004646 | Thủ tục công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày).</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16/01/2012. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 7 | 1.004644 | Thủ tục công | - Thời gian | - Bộ phận | Hồ sơ được | Không quy định | Thông tư số | Những nội |

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|---|---|--|---|--|
| | | <p>nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”</p> | <p>tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp</p> | <p>tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | | <p>17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 12 năm 2011 quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Có hiệu lực từ ngày 16 tháng 01 năm 2012.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|---|---|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|--|--|--|----------------|--|---|
| | | | lệ). | | | | | |
| 8 | 1.004634 | Thủ tục công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm việc kể từ ngày</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|---|----------|--|---|--|--|----------------|---|--|
| | | | nhận đủ hồ sơ theo quy định). | | | | | |
| 9 | 1.004622 | Thủ tục công nhận lại “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 2,5 ngày làm</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | <p>Thông tư số 02/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 01 năm 2013 quy định chi tiết tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Phường đạt chuẩn văn minh đô thị”; “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”. Có hiệu lực từ ngày 10 tháng 3 năm 2013.</p> | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|-----------------|---|---|
| | | | việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định). | | | | | |
| 10 | 1.003645 | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện có</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định. | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|-----------------|---|---|
| | | | trách nhiệm thẩm định. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ). | | | | | |
| 11 | 1.003635 | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết.</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định. | Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý và tổ chức lễ hội. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2018. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể |

| | | | | | | | | |
|--------------------------|----------|---------------------------------|--|---------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------------|--|
| | | | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo, nếu không có ý kiến trả lời thì đơn vị gửi thông báo được tổ chức lễ hội theo nội dung đã thông báo. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện nhận được văn bản thông báo). | | | | | thao và Du lịch |
| Lĩnh vực Thư viện | | | | | | | | |
| 12 | 1.008898 | Thủ tục thông báo thành lập đối | - Thời gian tiếp nhận hồ | - Bộ phận tiếp nhận | Hồ sơ được nộp theo các | Không quy định. | - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày | Những nội dung còn lại của TTHC này được |

| | | | | | | | | |
|--|--|---|---|---------------------------------|--|--|--|---|
| | | <p>với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng</p> | <p>sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: Thời hạn giải quyết là 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông</p> | <p>và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | | <p>21 tháng 11 năm 2019.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | <p>thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|---|---|---------------------------------|--|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|------------------------|--|--|
| | | | báo hợp lệ). | | | | | |
| 13 | 1.008899 | <p>Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | <p>Không quy định.</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|---|--|--|-----------------|---|---|
| | | | ngày ,kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ). | | | | | |
| 14 | 1.008900 | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ (Thời gian giải quyết sau</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Thư viện số 46/2019/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2019. - Nghị định 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. - Thông tư số 01/2020/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định các mẫu văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện. | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | | |
|--------------------------|----------|---|--|--|--|----------------|---|---|
| | | | khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày , kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thông báo hợp lệ). | | | | | |
| Lĩnh vực Gia đình | | | | | | | | |
| 15 | 1.003243 | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | <p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008;</p> <p>- Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009;</p> <p>- Thông tư số 02/2010/TT-</p> | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-

BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 16 | 1.003226 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục |

| | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|--|
| | | <p>đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | | | <p>chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng</p> | <p>hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|--|--|--|--|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|--|---|----------------|---|---|
| | | | | | | | nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 17 | 1.003185 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thâm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|---|--|
| | | | <p>quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | | <p>chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân</p> | |
|--|--|--|---|--|--|---|--|

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|----------------|--|---|
| | | | | | | | viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015. | |
| 18 | 1.003140 | Thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 02/2007/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 21 tháng 11 năm 2007. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2008; - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

(Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.

- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du

| | | | | | | | | |
|----|----------|---|--|---|--|----------------|---|---|
| | | | | | | | <p>lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.</p> | |
| 19 | 1.003103 | <p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện)</p> | <p>- Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) trừ ngày lễ,</p> | <p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện</p> | <p>Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | | <p>Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm</p> |

| | | | | | | | | |
|----|----------|--|--|--|--|----------------|---|--|
| | | | tết - Thời gian giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ). | | | | | 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 20 | 1.001874 | Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện) | - Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: các ngày làm việc trong tuần từ thứ Hai đến thứ Sáu (sáng từ 7 giờ 00 đến 11 giờ 30, chiều từ 13 giờ 30 đến 17 giờ) | - Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện | Hồ sơ được nộp theo các phương thức sau đây: - Nộp trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Nộp trực tuyến. | Không quy định | - Nghị định số 08/2009/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 21 tháng 3 năm 2009; - Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 | Những nội dung còn lại của TTHC này được thực hiện theo Quyết định số 3506/QĐ-BVHTTDL ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính |

| | | | | | | | |
|--|--|--|---|--|--|--|---|
| | | | <p>trừ ngày lễ, tết</p> <p>- Thời gian giải quyết:</p> <p>20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. (Thời gian giải quyết sau khi cắt giảm 50% là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).</p> | | | <p>tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn, chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 30 tháng 4 năm 2010.</p> <p>- Thông tư số 23/2014/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2010/TT-BVHTTDL ngày 16 tháng 3 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Văn</p> | <p>chuẩn hóa năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p> |
|--|--|--|---|--|--|--|---|

| | | | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|
| | | | | | | | <p>hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết về thủ tục đăng ký hoạt động, giải thể cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình; tiêu chuẩn của nhân viên tư vấn; cấp thẻ nhân viên tư vấn; chứng nhận nghiệp vụ chăm sóc, tư vấn và tập huấn phòng, chống bạo lực gia đình. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 02 năm 2015.</p> | |
|--|--|--|--|--|--|--|---|--|